

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 87/2018/HS-ST

Ngày: 23-10-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Đoàn.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Hà Thị Vũ.

Bà Nguyễn Thị Khuyên.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Lê Đình Hải Nam, Thư ký của Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa:* Bà Ngô Thị Thảo, Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 97/2018/HSST ngày 05 tháng 10 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử của Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên số: 95/2018/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 10 năm 2018 đối với các bị cáo.

1. Lường Văn M, sinh năm: 1983 tại tỉnh Điện Biên.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở trước ngày bị bắt: Bản H, trị trấn M, huyện M, tỉnh Điện Biên; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 8/12; dân tộc: Thái; con ông: Lường Văn S (đã chết) và bà: Lò Thị D, sinh năm: 1962; có vợ: Lò Thị D, sinh năm: 1987 và 03 con, con lớn nhất sinh năm 2006, con nhỏ nhất sinh năm 2016; tiền sự: Không, tiền án: Không; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 17/6/2018 cho đến ngày 20/6/2018, bị cáo bị tạm giam cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

2. Lò Văn S, sinh năm: 1975 tại tỉnh Điện Biên.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở trước ngày bị bắt: Bản N, xã A, huyện M, tỉnh Điện Biên; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 7/12; dân tộc: Thái; con ông: Lò Văn M (đã chết) và bà: Lò Thị P, sinh năm: 1940; có vợ: Cà Thị X, sinh năm: 1976 và 04 con, con lớn nhất sinh năm 1995, con nhỏ nhất sinh năm 2005; tiền sự: Không, tiền án: 02 tiền án, năm 2006, bị Tòa án nhân dân huyện T xử phạt 24 tháng tù giam về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, ngày 02/8/2007, ra trại; năm 2009, bị Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên xử phạt 09 năm

tù về tội: “Mua bán trái phép chất ma túy”, ngày 08/02/2017, ra trại; bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 17/6/2018 cho đến ngày 20/6/2018, bị cáo bị tạm giam cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

- *Người bào chữa cho bị cáo Lương Văn M:* Bà Trần Thị S, Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Điện Biên, có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Lò Văn S:* Bà Lê Thị X, Luật sư, Cộng tác viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Điện Biên, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào hồi 18 giờ 30 phút, ngày 17/6/2018 tại khu vực bản N3, xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên, Công an huyện Đ và Cục Hải quan tỉnh Điện Biên phát hiện, bắt quả tang Lương Văn M và Lò Văn S đang có hành vi mua bán trái phép 37,88 gam Heroine.

Nguồn gốc số ma túy bị thu giữ của các bị cáo là do Lương Văn M và Lò Văn S rủ nhau đi tìm mua ma túy sau đó bán lại cho người khác kiếm lợi. Vào ngày 17/6/2018, Lương Văn M đã tìm mua được 01 gói ma túy với giá 9.000.000 đồng của đối tượng tên là K. Sau đó, M và S mang đi bán cho đối tượng tên H thì bị bắt giữ cùng toàn bộ vật chứng vụ án.

Tại bản Kết luận giám định số: 345/GĐ-PC54, ngày 27/3/2018, của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Điện Biên kết luận:

"- Mẫu chất bột màu trắng trích từ vật chứng thu giữ của Lương Văn M và Lò Văn S gửi giám định là chất ma túy: Loại Heroine.

- Tổng khối lượng vật chứng thu giữ của Lương Văn M và Lò Văn S có khối lượng là 37,88 gam."

Tại bản Cáo trạng số: 45/CT-VKS-P1 ngày 03/10/2018 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên đã truy tố Lương Văn M và Lò Văn S để xét xử về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 251 Bộ luật Hình sự (BLHS).

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX):

Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 251, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58/BLHS đối với bị cáo Lương Văn M, đề nghị HĐXX xử phạt bị cáo Lương Văn M mức án từ 15 (mười lăm) năm đến 16 (mười sáu) năm tù.

Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 251, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 58/BLHS đối với bị cáo Lò Văn S, đề nghị HĐXX xử phạt bị cáo Lò Văn S từ 16 (mười sáu) đến 17 (mười bảy) năm tù.

Không áp dụng hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 251/BLHS đối với các bị cáo.

Về vật chứng vụ án. Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 47/BLHS, Điều 106/BLTTHS xử lý theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Áp dụng Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016, miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo.

Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như nội dung bản Cáo trạng và bản luận tội của Kiểm sát viên. Lời sau cùng, các bị cáo đều đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Những người bào chữa cho các bị cáo Lương Văn M và Lò Văn S không có ý kiến tranh luận gì về tội danh và điều luật áp dụng đối với các bị cáo. Đề nghị HĐXX xem xét áp dụng quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự và xem xét đến điều kiện sống và nhận thức của các bị cáo để xét xử bị cáo ở mức thấp nhất của khung hình phạt. Đề nghị không áp dụng khoản 5 Điều 251/BLHS đối với các bị cáo Lương Văn M và Lò Văn S. Do gia đình các bị cáo đều thuộc diện Hộ nghèo, các bị cáo đều sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên đề nghị HĐXX miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên Công an huyện Đ và Công an tỉnh Điện Biên, Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ và Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên, trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện theo đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục các quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, người bào chữa cho các bị cáo không người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo Lương Văn M và Lò Văn S đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã nêu. Lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, được ghi nhận tại: Biên bản bắt người phạm tội quả tang và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do biết việc mua bán trái phép chất ma túy thu được nhiều lợi nhuận, vào ngày 17/6/2018, Lò Văn S và Lương Văn M đã rủ nhau đi tìm và mua được của đối tượng tên là K 37,88 gam Heroine với giá 9.000.000 đồng, sau đó mang đi bán cho đối tượng tên là H thì bị bắt giữ cùng toàn bộ vật chứng vụ án.

Do đó, HĐXX đã đủ cơ sở kết luận hành vi của các bị cáo Lương Văn M và Lò Văn S phạm tội "*Mua bán trái phép chất ma túy*" theo quy định tại Điều 251 Bộ luật Hình sự như kết luận của Kiểm sát viên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[3] Đánh giá tính chất vụ án: Hành vi phạm tội của các bị cáo đã xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy, trực tiếp là hoạt động tàng trữ, vận chuyển, mua bán các chất ma túy, xâm phạm trật tự an toàn xã hội nên cần phải xử lý nghiêm khắc theo quy định của pháp luật.

Về tình tiết định khung hình phạt:

Hành vi mua bán trái phép 37,88 gam Heroine của các bị cáo đã vi phạm tình tiết định khung được quy định tại điểm b khoản 3 Điều 251 Bộ luật Hình sự.

Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với các bị cáo:

Bị cáo Lò Văn S có một tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là tái phạm nguy hiểm theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52/BLHS. Bởi vì, năm 2006, bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện T xử phạt 24 tháng tù giam về tội "*Tàng trữ trái phép chất ma túy*", ngày 02/8/2007, ra trại; ngày 01/4/2009, bị cáo chưa được xóa án tích, bị cáo đã bị Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên xử phạt 09 năm tù về tội "*Mua bán trái phép chất ma túy*" theo quy định tại khoản 2 Điều 194/BLHS, nhưng chưa được xóa án tích.

Bị cáo Lương Văn M không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Trước khi bị bắt, các bị cáo không có việc làm ổn định, hoàn cảnh gia đình khó khăn, đều là lao động chính trong gia đình. Sau khi bị bắt, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, đây là tình tiết giảm nhẹ của các bị cáo được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên, căn cứ tính chất hành vi phạm tội của các bị cáo thấy rằng: Bị cáo Lương Văn M đã từng bị xét xử về tội liên quan đến ma túy, mặc dù đã được xóa án tích, chưa có tiền sự; bị cáo Lò Văn S đã bị Tòa án xét xử hai lần về tội liên quan đến ma túy, nhưng bị cáo lại phạm tội mới trong thời gian chưa được xóa án tích. Hội đồng xét xử thấy rằng cần xử phạt tù có thời hạn trong khung hình phạt đối với các bị cáo để giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

Ngoài hình phạt chính, theo quy định khoản 5 Điều 251 Bộ luật Hình sự, người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm trăm triệu đồng, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản, cấm đảm nhận chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ một năm đến năm năm. Tuy nhiên, theo các tài liệu chứng cứ và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy các bị cáo đều làm nương, không có thu nhập, đang ở cùng gia đình, điều kiện kinh tế còn gặp khó khăn. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[4] Về vật chứng vụ án. Áp dụng Điều 47/BLHS và Điều 106/BLTTHS: Đối với số ma túy đã thu giữ của các bị cáo cần bị tịch thu tiêu hủy; đối với 02

chiếc điện thoại các bị cáo dùng vào việc phạm tội cần tịch thu sung vào ngân sách nhà nước. Đối với chiếc xe máy do bị cáo Lương Văn M đi mượn của người khác vì người đó không biết bị cáo mượn để đi bán ma túy và cơ quan công an đã trả lại cho chủ sở hữu nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí. Căn cứ vào Điều 135, Điều 136/BLTTHS năm 2015, các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, nhưng do các bị cáo đang sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định tại Quyết định số: 582/QĐ-TTg ngày 28/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách thôn đặc biệt khó khăn, xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2016 - 2020. Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nên Hội đồng xét xử quyết định miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 251, Điều 17, Điều 58, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Lò Văn S.

Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 251, Điều 17, Điều 58, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Lương Văn M.

1. Tuyên bố: Bị cáo Lương Văn M và bị cáo Lò Văn S đều phạm tội: Mua bán trái phép chất ma túy.

2. Hình phạt:

- Xử phạt bị cáo Lương Văn M 15 (mười lăm) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 17/6/2018.

- Xử phạt bị cáo Lò Văn S 16 (mười sáu) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 17/6/2018.

3. Xử lý vật chứng. Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

** Tịch thu tiêu hủy:*

01 (một) phong bì niêm phong của Công an huyện Đ được dán kín. Mặt trước phong bì niêm phong dán mảnh giấy có chữ đánh máy: Vật chứng: 1. Lò Văn S - SN: 1975. Nơi cư trú: Bản N, xã A, huyện M, tỉnh Điện Biên. 2. Lương Văn M - SN: 1983. Nơi cư trú: Bản H, thị trấn M, huyện M, tỉnh Điện Biên. Khối lượng 37,88 gam Heroine, trích mẫu: 0,85 gam, còn lại: 37,03 gam Heroine.

** Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước:*

+ 01 điện thoại loại bàn phím bấm, nhãn hiệu VIETTEL, màu đen. Điện thoại đã cũ, qua sử dụng. Thu giữ của Lò Văn S.

+ 01 điện thoại bàn phím bấm, nhãn hiệu PHILIPS, màu đỏ. Điện thoại đã cũ, qua sử dụng. Thu giữ của Lương Văn M.

(Theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 04/10/2018 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh Điện Biên và Cục Thi hành án dân sự tỉnh Điện Biên)

4. Án phí. Áp dụng Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo.

5. Quyền kháng cáo đối với bản án. Áp dụng các Điều 331, 332 và 333 Bộ luật Tố tụng hình sự, các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 23/10/2018) lên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội để xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Điện Biên;
- Công an tỉnh Điện Biên;
- Bị cáo;
- Người bào chữa;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Điện Biên;
- Cục THADS tỉnh Điện Biên;
- Phòng HC Sở Tư pháp tỉnh Điện Biên;
- UBND xã (Th/báo);
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Nguyễn Trọng Đoàn

